

Số: 193/2021/QĐST-HNGĐ

B, ngày 05 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ L số 322/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Trần Trung S, sinh năm 1995

Địa chỉ: Số nhà 18, ngõ 227, tổ 1, phường Mỹ Độ, thành phố B, tỉnh B.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1994

Nơi ĐKKHKT: Số nhà 18, ngõ 227, tổ 1, phường Mỹ Độ, thành phố B, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án; nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 10 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Trung S và chị Nguyễn Thị L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị L nuôi con chung là Trần Gia Minh, sinh ngày 01/11/2019.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây

ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Trung S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Trần Gia Minh, sinh ngày 01/11/2019 cho chị L với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 11/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi anh S và chị L có yêu cầu thay đổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3. Về tài sản chung: Anh S và chị L tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nghĩa vụ chung về tài sản: Anh S và chị L đều xác định không có nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Anh Trần Trung S chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh S đã nộp theo biên lai số 0001095 ngày 12/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- Chi Cục THADS thành phố B;
- VKSND thành phố B;
- UBND phường Mỹ Độ, thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THÂM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hằng